

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

ĐỊA CHỈ : LẦU 15, SỐ 35 NGUYỄN HUỆ QUẬN 1, TP HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

(Quý 2 năm 2007)

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Chưa hợp nhất tại thời điểm 30/06/2007)

STT	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
<i>I</i>	Tài sản ngắn hạn	1,824,351,551,540	1,714,642,110,001
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	1,335,678,191,313	917,517,901,152
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	131,647,966,110	430,787,014,791
3	Các khoản phải thu	203,066,663,165	220,881,259,683
4	Hàng tồn kho	5,469,818,309	5,566,120,955
5	Tài sản ngắn hạn khác	148,488,912,643	139,889,813,420
<i>II</i>	Tài sản dài hạn	568,215,868,239	706,343,343,635
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	255,871,670,340	282,681,970,736
	- Nguyên giá TSCĐ hữu hình	455,903,086,464	456,035,011,206
	- Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ hữu hình	(271,033,416,626)	(278,627,623,036)
	- Nguyên giá TSCĐ vô hình	10,219,658,410	10,219,658,410
	- Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ vô hình	(23,444,444)	(58,611,110)
	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	60,805,786,536	95,113,535,266
3	Bất động sản đầu tư		
	- Nguyên giá		
	- Giá trị hao mòn lũy kế		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	302,554,225,089	413,871,400,089
5	Tài sản dài hạn khác	9,789,972,810	9,789,972,810
<i>III</i>	Tổng tài sản	2,392,567,419,779	2,420,985,453,636
<i>IV</i>	Nợ phải trả	274,452,703,423	270,863,614,903
1	Nợ ngắn hạn	253,210,201,229	250,253,766,912
2	Nợ dài hạn	21,242,502,194	20,609,847,991
<i>V</i>	Nguồn vốn chủ sở hữu	2,118,114,716,356	2,150,121,838,733
1	Vốn chủ sở hữu	2,102,246,812,554	2,134,323,256,085
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	537,535,795,649	537,535,795,649
	- Thặng dư vốn cổ phần	1,366,907,462,400	1,366,907,462,400
	- Cổ phiếu quỹ		

	- Các quỹ	366,080,020	366,080,020
	- Lợi nhuận chưa phân phối	197,437,474,485	229,513,918,016
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	15,867,903,802	15,798,582,648
VI	Tổng nguồn vốn	2,392,567,419,779	2,420,985,453,636

II-A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
(Áp dụng đối với các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, dịch vụ...)
NHÓM CÔNG TY GEMADEPT

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	270,189,290,684	486,682,925,469
2	Các khoản giảm trừ		-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	270,189,290,684	486,682,925,469
4	Giá vốn hàng bán	201,436,960,211	360,257,494,696
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	68,752,330,473	126,425,430,773
6	Doanh thu hoạt động tài chính	8,665,837,734	36,957,208,226
7	Chi phí tài chính	6,843,265,936	16,732,845,841
8	Chi phí bán hàng	36,157,677	71,313,871
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	17,160,154,236	38,173,222,912
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	53,378,590,357	108,405,256,375
11	Thu nhập khác	70,379,362	163,332,685
12	Chi phí khác	621,573,016	632,505,793
13	Lợi nhuận khác	(551,193,654)	(469,173,108)
14	Lợi nhuận trước thuế	52,827,396,703	107,936,083,267
15	Thuế thu nhập phải nộp		
16	Lợi nhuận sau thuế		
17	Lợi ích của cổ đông thiểu số		
18	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		
19	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu		

Hồ chí Minh, ngày 20 tháng 7 năm 2007

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc